

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ SHS VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ SHS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHS VIET NAM CONSULTANCY AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SHSVN., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109232295

3. Ngày thành lập: 19/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10, ngõ 40/4, Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0901579888

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo về kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị ngành công nghiệp; - Bán buôn máy móc, thiết bị và dụng cụ đo lường; - Bán buôn máy móc, thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn;	4659
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Theo Điều 28 Luật thương mại 2005) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	8299
7.	In ấn	1811
8.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

9.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690
16.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
17.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
18.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
19.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
20.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
21.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
22.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
23.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
24.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
25.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
26.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
28.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
29.	Lập trình máy vi tính	6201
30.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
31.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
32.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

34.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
35.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn thuế, kế toán, kiểm toán)	7020
36.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: -Thiết kế kiến trúc công trình -Thiết kế kết cấu công trình; -Thiết kế điện-cơ điện công trình; -Thiết kế cấp-thoát nước; -Thiết kế thông gió- cấp thoát nhiệt; -Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình. (Theo Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	7110
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
38.	Quảng cáo	7310
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)	7320
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
41.	Cho thuê xe có động cơ	7710
42.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
43.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
44.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
45.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
46.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
47.	Đào tạo sơ cấp	8531
48.	Đào tạo trung cấp	8532
49.	Đào tạo cao đẳng	8533
50.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
51.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
52.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
53.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
54.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
55.	Xây dựng nhà để ở	4101
56.	Xây dựng nhà không để ở	4102

57.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản (điểm a khoản 1 điều 61 Luật kinh doanh bất động sản 2014); - Tư vấn bất động sản (điểm b khoản 1 điều 61 Luật kinh doanh bất động sản 2014); - Quản lý bất động sản (điểm c khoản 1 điều 61 Luật kinh doanh bất động sản 2014);	6820
58.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
59.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Đánh giá tác động của môi trường; (Theo khoản 23 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014) -Quan trắc môi trường; (Theo Điều 8 Nghị định 127/2014/NĐ-CP quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường) -Tư vấn về năng lượng, kiểm toán năng lượng; (Theo khoản 6 Điều 3 Luật sử dụng băng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010) -Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; (Theo Điều 4 Nghị định 140/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ Lao động-Thương binh và xã hội); -Dịch vụ về kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. (Theo Điều 3 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường) - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...	7490(Chính)

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN TRÍ KIÊN	Số 14 tổ 8, đường Phan Thiết, Phường Phan Thiết, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	13.000	130.000.000	13,000	070659144	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	13.000	130.000.000	13,000		
2	LÊ DIÊN HÒA	Khu 15, Thị trấn Hùng Sơn, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.000	380.000.000	38,000	0131578186	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	38.000	380.000.000	38,000		

3	PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG	Tổ 10, Ngõ Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	15,000	012151795
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	15.000	150.000.000	15,000	
4	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Xóm 10, Xã Quang Trung, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.000	120.000.000	12,000	0340850101 49
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	12.000	120.000.000	12,000	
5	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Xóm Chùa, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.000	220.000.000	22,000	017179618
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	22.000	220.000.000	22,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN TRÍ KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/09/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 070659144

Ngày cấp: 24/06/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Tuyên Quang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14 tổ 8, đường Phan Thiết, Phường Phan Thiết, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 9 Ngách 93/48 Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội